

	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Quyết toán chi NSNN (năm tài chính 2024)	Chi NSNN (năm tài chính	
					Dự toán	Ước thực hiện
	A	B		1	2	3
II	Chi thường xuyên	triệu đồng	01	27.932,00	25.595,00	25.626,80
4	Giáo dục Trung học phổ thông	triệu đồng	02	27.783,80	25.446,80	25.446,80
4.1	Chia theo nguồn:			27.783,80	25.446,80	25.446,80
4.1.1	Nguồn NSNN	triệu đồng	03	20.929,80	24.646,80	24.646,80
4.1.2	Nguồn phí, lệ phí để lại	triệu đồng	04	1.514,80	300,00	300,00
4.1.3	Nguồn khác	triệu đồng	05	5.339,20	500,00	500,00
4.2	Chia theo nhóm chi:			27.783,80	25.446,80	25.446,80
4.2.1	Chi thanh toán cá nhân	triệu đồng	06	24.871,90	23.500,00	23.500,00
4.2.2	Chi hàng hóa dịch vụ	P	07	1.218,40	500,00	500,00
4.2.3	Chi hỗ trợ và bổ sung	triệu đồng	08	1.077,50	1.000,00	1.000,00
4.2.4	Các khoản chi khác	triệu đồng	09	616,00	446,80	446,80
6	Đào tạo khác trong nước	triệu đồng	10			
6.1	Chia theo nguồn:					
6.1.1	Nguồn NSNN	triệu đồng	11			
6.1.2	Nguồn phí, lệ phí để lại	triệu đồng	12			
6.1.3	Nguồn khác	triệu đồng	13			
6.2	Chia theo nhóm chi:					
6.2.1	Chi thanh toán cá nhân	triệu đồng	14			
6.2.2	Chi hàng hóa dịch vụ	triệu đồng	15			
6.2.3	Chi hỗ trợ và bổ sung	triệu đồng	16			
6.2.4	Các khoản chi khác	triệu đồng	17			
7	Đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức	triệu đồng	18	148,20	148,20	180,00
7.1	Chia theo nguồn:			148,20	148,20	180,00
7.1.1	Nguồn NSNN	triệu đồng	19	85,00	85,00	150,00
7.1.2	Nguồn phí, lệ phí để lại	triệu đồng	20	15,00	15,00	
7.1.3	Nguồn khác	triệu đồng	21	48,20	48,20	30,00
7.2	Chia theo nhóm chi:			148,20	148,20	180,00
7.2.1	Chi thanh toán cá nhân	triệu đồng	22	133,20	133,20	160,00
7.2.2	Chi hàng hóa dịch vụ	triệu đồng	23			
7.2.3	Chi hỗ trợ và bổ sung	triệu đồng	24			
7.2.4	Các khoản chi khác	triệu đồng	25	15,00	15,00	20,00

Người lập

Giai Lạc, ngày 15 tháng 9 năm 2025
Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)